**Phụ lục**

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 523/QĐ-TTG NGÀY 01 THÁNG 4 NĂM 2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021- 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 TRÊN ĐỊA TỈNH ĐẮK NÔNG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số nhiệm vụ** | **Nhiệm vụ** | **Cơ quan, đơn vị thực hiện** | **Cơ quan, đơn vị phối hợp** | **Thời gian xây dựng, phê duyệt** | **Thời gian thực hiện** |
| **I** | **TỔ CHỨC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC** | | | | |
| 1 | Tuyên truyền, phổ biến Luật lâm nghiệp và các văn bản liên quan về chính sách quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; chế biến và thương mại lâm sản; Kế hoạch thực hiện Chiến lược của UBND tỉnh. | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các sở, ngành, đơn vị, địa phương các cấp có liên quan xây dựng  kế hoạch chi tiết theo chức năng và nhiêm vụ được giao | Hàng năm | Hàng năm |
| **II** | **TIẾP TỤC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH ĐÃ BAN HÀNH; RÀ SOÁT, ĐỀ NGHỊ ĐIỂU CHỈNH, BỔ SUNG, XÂY DỰNG MỚI CÁC CHÍNH SÁCH** |  |  |  |  |
| 1 | Tiếp tục triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện hành; Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp. | Sở Nông nghiệp và PTNT | UBND các huyện, thành phố; các Sở, ngành và đơn vị có liên quan | Hàng năm | Hàng năm |
| 2 | Tổ chức rà soát các hoạt động lâm nghiệp của tỉnh để đề xuất ban hành chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư đặc thù, nhằm tạo động lực phát triển kinh tế, ổn định xã hội và đảm bảo an toàn môi trường, huy động đa dạng các nguồn lực cho phát triển lâm nghiệp nói chung và phát triển lâm nghiệp gắn với giảm nghèo bền vững ở các vùng đặc biệt khó khăn, dân tộc thiểu số nói riêng. | Sở Nông nghiệp và PTNT | UBND các huyện, thành phố; các Sở, ngành và đơn vị có liên quan | Hàng năm | 2022-2030 |
| **III** | **TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUY HOẠCH LÂM NGHIỆP QUỐC GIA; CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, PHƯƠNG ÁN, DỰ ÁN, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH** |  |  |  |  |
| 1 | Rà soát, cung cấp số liệu quy hoạch, kế hoạch lâm nghiệp tỉnh Đắk Nông để tích hợp, xây dựng, triển khai hiệu quả quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | Sở Nông nghiệp và PTNT | UBND các huyện, thành phố; các Sở, ngành và đơn vị có liên quan | Năm 2022  -2023 | 2022-2023 |
| 2 | Rà soát, điều chỉnh quy hoạch rừng để thiết lập lâm phần ổn định, phù hợp với các mục tiêu, nội dung định hướng trong Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 | UBND các huyện, thành phố; các Sở, ngành và đơn vị có liên quan | Năm 2022  -2023 | 2022-2033 |
| 3 | Triển khai Tiểu Dự án Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. | UBND các huyện, thành phố; các Sở, ngành và đơn vị có liên quan | Hàng  năm | 2021-2030 |
| 4 | Xây dựng, triển khai hiệu quả Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025. | UBND các huyện, thành phố; các Sở, ngành và đơn vị có liên quan. | Hàng  năm | 2021-2025 |
| 5 | Xây dựng, triển khai Đề án nâng cao tỉ lệ che phủ rừng giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 | UBND các huyện, thành phố; các Sở, ngành và đơn vị có liên quan | Hàng  năm | 2021-2025 |
| 6 | Xây dựng, triển khai Dự án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 | UBND các huyện, thành phố; các Sở, ngành và đơn vị có liên quan | Hàng  năm | 2021-2025 |
| 7 | Xây dựng, triển khai có hiệu quả Đề án phát triển rừng tự nhiên gắn với phát triển kinh tế -xã hội, ổn định dân cư giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 | UBND các huyện, thành phố; các Sở, ngành và đơn vị có liên quan | Hàng  năm | 2021 -2025 |
| 8 | Xây dựng, thực hiện Dự án nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2021-2030. | Sở Nông nghiệp và PTNT | UBND các huyện, thành phố; các Sở, ngành và đơn vị có liên quan | 2022-  2023 | 2022-2030 |
| 9 | Tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 13/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng *(Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 13/9/2017)*; Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 297/QĐ-TTg ngày 18/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016-2030 *(Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 02/7/2019)*; Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025” của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông *(Kế hoạch số 464/QĐ-UBND ngày 14/7/2021)*; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 19/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về quản lý, bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững; nâng cao tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 *(Kế hoạch số 267/KH-UBND ngày 24/5/2022* | Sở Nông nghiệp và PTNT | UBND các huyện, thành phố; các Sở, ngành và đơn vị có liên quan | Hàng  năm | 2021-2025 |
| **IV** | **TỔ CHỨC TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP** | | | | |
| 1 | **Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng** |  |  |  |  |
| 1.1 | Quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có; Phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng và cung cấp các dịch vụ môi trường rừng. | Các đơn vị chủ rừng | UBND các huyện, thành phố; các Sở, ngành và đơn vị có liên quan | Hàng năm | Hàng năm |
| 1.2 | Hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích ngoài lâm nghiệp; hoàn thành việc giao đất, giao rừng, cho thuê rừng, cắm mốc ranh giới và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các đơn vị là tổ chức | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Nông nghiệp và PTNT và các Sở, ngành và đơn vị có liên quan | Hàng năm | 2022-2030 |
| 1.3 | Hoàn thành việc giao đất, cho thuê đất gắn với giao rừng, cho thuê rừng; cắm mốc ranh giới và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư theo quy định pháp luật về đất đai và pháp luật về lâm nghiệp. | UBND các huyện, TP Gia Nghĩa | Sở Nông nghiệp và PTNT và các Sở, ngành và đơn vị có liên quan | Hàng năm | 2021-2031 |
| 1.4 | Xây dựng các mô hình gắn kết cộng đồng địa phương tham gia và chia sẻ lợi ích công bằng vào công tác quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ nhằm giảm xung đột và nâng cao hiệu quả quản lý; quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng. | Các đơn vị chủ rừng | UBND các huyện, TP Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan | Hàng  năm | 2022-2030 |
| 1.5 | Tăng cường năng lực quản trị rừng cho các chủ rừng thông qua việc thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá tài nguyên rừng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS), công nghệ thông tin trong quản lý lĩnh vực lâm nghiệp; điều tra, đánh giá tài nguyên rừng. Nâng cao năng lực để các chủ rừng quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hiệu quả, đến năm 2030, 100% các chủ rừng là tổ chức có đủ năng lực theo dõi, giám sát, quản lý tài nguyên rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng. | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các đơn vị chủ rừng; UBND các huyện, TP Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan | Hàng  năm | 2022-2030 |
| 2 | **Phát triển rừng** |  |  |  |  |
| 2.1 | Phát triển vùng rừng trồng cung cấp nguyên liệu tập trung, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn. | Các đơn vị chủ rừng | UBND các huyện, TP Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan đến hoạt động  lĩnh vực chế biến lâm sản | Hàng năm | 2022-2030 |
| 2.2 | Triển khai có hiệu quả Đề án phát triển rừng tự nhiên gắn với phát triển kinh tế -xã hội, ổn định dân cư giai đoạn 2021 -2025, định hướng đến năm 2030; thực hiện Kế hoạch số 464/KH-UBND ngày 14/7/2021 của UBND tỉnh triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh. | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các chủ rừng; UBND các huyện, TP Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan | Hàng năm | 2022 -2030 |
| 2.3 | Xây dựng cơ chế khuyến khích cộng đồng, người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị -xã hội triển khai mô hình nông lâm kết hợp với những loài cây lâm nghiệp, cây đa mục đích nhằm bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần nâng cao tỉ lệ che phủ rừng. | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các chủ rừng; UBND các huyện, TP Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan | 2022-2023 | 2022-2025 |
| 2.4 | Phát triển rừng bền vững bằng phương thức nông lâm kết hợp trên đối tượng đất lâm nghiệp bị lấn, chiếm theo Đề án được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 nhằm góp phần nâng cao tỉ lệ che phủ rừng, bảo đảm mục tiêu ổn định dân cư, an sinh xã hội, sinh kế của người dân, an ninh chính trị, vừa bảo đảm mục tiêu kinh tế -xã hội và môi trường với những loài cây lâm nghiệp, cây đa mục đích, ưu tiên loài cây có giá trị kinh tế cao. | Các đơn vị chủ rừng | UBND các huyện, TP Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan | Hàng năm | 2022-2025 |
| 2.5 | Xây dựng cơ chế khuyến khích cộng đồng, người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị -xã hội triển khai trồng cây phân tán (*tại khu vực công sở, trường học, hội trường sinh hoạt thôn, bon, hành lang đường giao thông, khu vực cảnh quan, vườn nhà, bờ vùng, bờ thửa, trên nương rẫy, những khoảng trống trong thôn bản, cánh đồng, ven sông, bãi thải, đất chưa sử dụng khác...*) với những loài cây có giá trị kinh tế, văn hóa, cây quý hiếm, cây tạo cảnh quan, bóng mát nhằm bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần nâng cao tỉ lệ che phủ rừng, gắn với xây dựng nông thôn mới. | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các chủ rừng; UBND các huyện, TP Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan | 2022-2023 | 2022-2025 |
| 2.6 | Phục hồi rừng tự nhiên bằng các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, nuôi dưỡng và làm giàu rừng. | Các đơn vị chủ rừng | Các chủ rừng; UBND các huyện, TP Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan | Hàng năm | 2022-2030 |
| 27 | Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng sản xuất theo hướng tối ưu hóa hệ thống sản xuất và chuỗi giá trị lâm sản thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ. | Các đơn vị chủ rừng | Các chủ rừng; UBND các huyện, TP Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan | Hàng năm | 2022-2030 |
| 2.8 | Phát triển hệ thống rừng đặc dụng, bảo tồn và phát huy giá trị nguồn gen cây rừng, tài nguyên rừng và đa dạng sinh học; duy trì và nâng cao chất lượng rừng phòng hộ | Các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng và các chủ rừng quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng. | UBND các huyện, TP Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan | Hàng năm | 2022-2030 |
| 2.9 | Phát triển nông lâm kết hợp, các loài cây trồng rừng đa mục đích, lâm sản ngoài gỗ theo hướng sản xuất hàng hóa. | Các đơn vị chủ rừng | UBND các huyện, TP Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan | Hàng năm | 2022-2030 |
| 2.10 | Chuyển dịch cơ cấu cây trồng trong sản xuất nông nghiệp bằng các loài cây đa mục đích (Điều, Mắc ca, Cao su), cây ăn quả, cây công nghiệp có tán che lớngiá trị kinh tế cao (Mít, Bơ, Sầu riêng, Bưởi, Măng cụt, Chôm chôm,...), nhằm nâng cao tỉ lệ che phủ rừng, phát triển kinh tế bền vững; trong đó, ưu tiên phát triển vùng trồng cây Mắc ca chuyên canh tại các địa phương có điều kiện phù hợp | Các đơn vị chủ rừng | UBND huyện, TP Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan | Hàng năm | 2022-2030 |
| 2.11 | Xây dựng chính sách hỗ trợ giống cây đặc sản để thu hút các thành phần kinh tế tham gia phát triển rừng, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng gắn với phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững. | Sở Nông nghiệp và PTNT | UBND các huyện, TP Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan | 2022-2025 | 2022-2025 |
| 3 | **Sử dụng rừng** |  |  |  |  |
| 3.1 | Tiếp tục thực hiện chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên đến năm 2030, không khai thác gỗ từ rừng tự nhiên; sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học, các nguồn gen, loại sinh vật và hệ sinh thái rừng. | Các đơn vị chủ rừng | UBND các huyện, TP Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan | Hàng năm | 2021-2030 |
| 3.2 | Phát huy tối đa các dịch vụ lâm nghiệp, dịch vụ môi trường rừng để tạo nguồn thu, tái đầu tư cho phát triển lâm nghiệp; đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái; khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư, quản lý, khai thác, sử dụng rừng bền vững, chế biến các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ bằng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường. | Các đơn vị chủ rừng | UBND huyện, TP Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan | Hàng năm | 2022-2030 |
| 3.3 | Sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học, các nguồn gen, loại sinh vật và hệ sinh thái rừng; đẩy mạnh gây trồng, sử dụng lâm sản ngoài gỗ, tập trung vào nhóm sản phẩm có thế mạnh, có giá trị kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế của các vùng miền như mây tre, dược liệu,... Có cơ chế, chính sách để chủ rừng được quản lý, khai thác, phát triển và sử dụng bền vững lâm sản ngoài gỗ. | Các đơn vị chủ rừng | UBND các huyện, TP Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan | Hàng năm | 2021-2030 |
| 3.4 | Tiếp tục xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT | Các đơn vị chủ rừng | Sở Nông nghiệp và PTNT và các Sở, ngành và đơn vị có liên quan. | Hàng năm | 2021-2030 |
| 4 | **Phát triển công nghiệp chế biến, thương mại lâm sản** |  |  |  |  |
| 4.1 | Hình thành và phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng có diện tích ổn định và bền vững phục vụ chế biến; ưu tiên các nhà máy chế biến gỗ làm đầu mối để liên kết với các tổ chức, hộ gia đình đầu tư sản xuất, tiêu thụ nguyên liệu gỗ rừng trồng. | UBND huyện, TP Gia Nghĩa | Các chủ rừng; Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị có liên quan | Hàng năm | 2022-2030 |
| 4.2 | Khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp liên kết, hợp tác để phát triển vùng nguyên liệu, tạo chuỗi giá trị bền vững; góp phần nâng cao thu nhập cho người làm nghề rừng và thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030. | UBND huyện, TP | Các chủ rừng; Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị có liên quan | Hàng năm | 2022-2030 |
| V | **BỐ TRÍ, HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÀNH LÂM NGHIỆP** |  |  |  |  |
| 1 | Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn thực hiện Chương trình với các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của pháp luật về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, dự án liên quan đến công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn nhằm huy động tối đa các nguồn vốn để thực hiện hiệu quả các Chương trình | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; UBND các huyện, thành phố; các tổ chức, cơ quan, đơn vị có liên quan | Hàng năm | 2022-2030 |
| 2 | Bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho ngành lâm nghiệp theo các cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn thực hiện Kế hoạch. | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thành phố; các tổ chức, cơ quan, đơn vị có liên quan | Hàng năm | 2022-2030 |
| 3 | Hướng dẫn quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho lĩnh vực lâm nghiệp theo các cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn thực hiện Kế hoạch… | Sở Tài chính | Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thành phố; các tổ chức, cơ quan, đơn vị có liên quan | Hàng năm | 2022-2030 |
| 4 | Tăng nguồn thu từ chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng trên địa bàn tỉnh, nhanh chóng tiếp cận và tham gia thị trường carbon nhằm huy động tối đa nguồn thu từ các dịch vụ có liên quan đến rừng | Sở Nông nghiệp và PTNT (Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng) | Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; UBND các huyện, thành phố; các tổ chức, cơ quan, đơn vị có liên quan | Hàng năm | 2021-2030 |
| **VI** | **XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG LÂM NGHIỆP ĐỒNG BỘ, HIỆN ĐẠI HÓA NGÀNH LÂM NGHIỆP** |  |  |  |  |
| 1 | Xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo vệ và phát triển rừng, như: Xây dựng trạm bảo vệ rừng; biển báo, biển cảnh báo, cọc mốc ranh giới khu rừng; xây dựng công trình phòng, trừ sinh vật gây hại rừng, cứu hộ, bảo vệ, phát triển động vật rừng, thực vật rừng; duy tu, bảo dưỡng và nâng cấp các tuyến đường tuần tra quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng kết hợp phát triển du lịch sinh thái | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; UBND các huyện, thành phố; các đơn vị chủ rừng và các đơn vị có liên quan | Hàng năm | 2022-2030 |
| 2 | Cân đối bố trí nguồn kinh phí ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo vệ và phát triển rừng | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thành phố; các đơn vị chủ rừng và đơn vị có liên quan | Hàng  năm | 2022-2030 |
| 3 | Tăng cường nâng cao năng lực, cơ sở vật chất cho việc theo dõi, giám sát tài nguyên rừng; trang thiết bị và các công trình phòng cháy, chữa cháy rừng. | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; UBND các huyện, thành phố; các đơn vị chủ rừng và các đơn vị có liên quan | Hàng năm | 2022-2030 |
| 4 | Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng logistics, kho bãi phục vụ phát triển sản xuất, bảo quản và chế biến lâm sản, khoa học công nghệ và khuyến lâm: Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ. | Sở Công Thương | Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan; Chủ rừng | Hàng năm | 2022-2030 |
| **VII** | PHÁT TRIỂN, ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHUYẾN LÂM |  |  |  |  |
| 1 | Tiếp tục kiện toàn tổ chức, sắp xếp tinh gọn bộ máy cơ quan hành chính, chuyển đổi mô hình đơn vị quản lý cho phù hợp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả; điều động, tăng cường lực lượng kiểm lâm đến các địa phương còn điểm nóng về phá rừng, lấn, chiếm đất lâm nghiệp; gắn trách nhiệm của kiểm lâm địa bàn với từng đơn vị chủ rừng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, siết chặt kỷ luật, kỷ cương và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Nội vụ; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan | Hàng năm | 2022-2030 |
| 2 | Tiếp tục hoàn thành công tác sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị khóa XI về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp | Các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp | Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Tài nguyên và MT; các đơn vị có liên quan | Hàng năm | 2022-2030 |
| 3 | Bổ sung biên chế, xây dựng lực lượng Kiểm lâm đủ mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, chuyên nghiệp; nâng cao năng lực, kỹ năng cho lực lượng kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng và chủ rừng đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng | Sở Nội vụ | Sở Nông nghiệp và PTNT; các đơn vị chủ rừng và các đươn vị có liên quan | Hàng năm | 2022-2030 |
| **VIII** | **TỔ CHỨC GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CHIẾN LƯỢC** |  |  |  |  |
| 1 | Theo dõi, tổng hợp, định kỳ đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược, Kế hoạch của UBND tỉnh | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương, đơn vị liên quan | Hàng năm; 5 năm; 10 năm | Hàng năm; 5 năm; 10 năm |